

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC - NGHIÊN CỨU - ĐẦU TƯ KHANG THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC - NGHIÊN CỨU - ĐẦU TƯ KHANG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANG THINH INVEST - RESEARCH - PHARMACY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KHANG THINH IRP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109048049

3. Ngày thành lập: 30/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 186 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh dược - Kinh doanh trang thiết bị y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649(Chính)
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng - Kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632
3.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
4.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	4772

5.	Trồng cây hàng năm khác	0119
6.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
7.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
8.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh	8299
12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
16.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Phòng khám chuyên khoa, bao gồm: + Phòng khám nội tổng hợp, phòng khám bác sỹ gia đình: + Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội (tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội): + Phòng tư vấn khám bệnh, chữa bệnh qua điện thoại, phòng tư vấn chăm sóc sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông và thiết bị y tế + Phòng khám chuyên khoa ngoại + Phòng khám chuyên khoa phụ sản - kế hoạch hóa gia đình + Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt + Phòng khám chuyên khoa mắt + Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng + Phòng khám chuyên khoa ung bướu + Phòng khám chuyên khoa da liễu + Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng + Phòng khám hỗ trợ điều trị cai nghiện ma túy + Phòng khám, điều trị HIV/AIDS + Phòng khám chuyên khoa khác. - Phòng khám đa khoa	8620
17.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720

18.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
19.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
20.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
21.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền. - Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng - Cơ sở dịch vụ y tế bao gồm: + Cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; + Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà; + Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ; + Cơ sở dịch vụ xoa bóp; + Cơ sở dịch vụ y tế khác	8699
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
24.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
25.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
26.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
30.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
31.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
32.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
33.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931

35.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
40.	Xây dựng nhà để ở	4101
41.	Xây dựng nhà không để ở	4102
42.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
43.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
47.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
48.	Xây dựng công trình thủy	4291
49.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
57.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
58.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
59.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
60.	Quảng cáo	7310
61.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

64.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 9.999.900.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI CHÍ DŨNG	Thôn Thượng, Xã An Hưng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.999	999.990.000	10,000	0310980040 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.999	999.990.000	10,000		

2	BÙI PHÚC MẠNH	Xóm Đông, Thôn Trung Trữ, Xã Ninh Giang, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	799.992	7.999.920.000	80,000	164016711
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	799.992	7.999.920.000	80,000	
3	NGUYỄN THỊ THIỀM	Xóm Thượng, Xã An Hưng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.999	999.990.000	10,000	031178003480
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	99.999	999.990.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI CHÍ DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031098004061

Ngày cấp: 04/04/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thượng, Xã An Hưng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 186 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội